TĂNG QUYỀN TỰ CHỦ VỀ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO CHO CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC CÔNG LẬP TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

TS. HOÀNG THANH XUÂN*

Tự chủ là tự chủ quản lý, là khả năng tự điều hành, tự kiểm soát chính mình. Tự chủ đại học (University autonomy) được định nghĩa là sự tự do của một cơ sở giáo dục đại học trong việc điều hành các công việc của nó mà không có sự chỉ đạo hợp tác từ bất cứ cấp chính quyền nào (Anderson and Johnson, 1998) [9, Tr. 23,24].

Theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định, cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công là các quy định về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính của đơn vị sự nghiệp công. Theo đó, nội dung tự chủ được cụ thể hóa, gồm: (i) Tự chủ về tổ chức, biên chế; (ii) Tự chủ về hoạt động của cơ sở giáo dục đại học; (iii) Tự chủ về tài chính. Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014-2017, cơ sở giáo dục đại học công lập khi cam kết tự chủ thì phải đảm bảo toàn bộ các hoạt động sau: "Thực hiện nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học; Về tổ chức bộ máy, nhân sự; Về tài chính; Về chính sách học bổng, học phí đối với đối tượng chính sách; Về đầu tư mua sắm" [4]. Tuy nhiên trong phạm vi bài báo, tác giả chỉ đi vào phân tích tăng quyền tự chủ về tổ chức đào tạo cho các cơ sở giáo dục đại học công lập trong giai đoạn hiện nay.

Mục đích của tự chủ đào tạo là hoàn thiện các quy định, quy trình liên quan đến phân cấp, quản lý đào tạo để tiếp nhận và thực hiện quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm hoàn toàn trong tổ chức đào tạo.

Thứ nhất, về kế hoạch đào tạo:

Để khắc phục tình trạng khi tự chủ các cơ sở giáo dục đại học mở rộng quy mô quá lớn so với các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo và để cơ sở giáo dục đại học có điều kiện ổn định và đầu tư phát triển, thì phải tạo hành lang pháp lý để căn cứ vào các điều kiện bảo đảm chất lượng, cơ sở giáo dục đại học công lập được Nhà nước giao nhiệm vụ đào tạo theo một chỉ tiêu đào tạo và giữ ổn định trong thời gian ít nhất ba năm, hàng năm được tăng thêm do nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực và khả năng thực hiện của nhà trường, ưu tiên giao chỉ tiêu đào tạo cho những trường mở được những ngành nghề mới phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội và tiếp cận thành tựu khoa học xã hội tiên tiến. Bộ Giáo dục và Đào tạo cần có các văn bản hướng dẫn cụ thể để cơ sở giáo dục đại học căn cứ vào đó thực hiện, tránh tình trạng các trường tuyển sinh vượt quá kế hoạch, chỉ tiêu cho phép. Tiến tới xóa bỏ cơ chế chỉ tiêu, kế hoạch tuyển sinh, các trường chủ động tuyển sinh theo khả năng đào tạo của mình và nhu cầu thị trường lao động. Do đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo nên giao quyền chủ động hơn cho các trường về công tác đào tạo nói chung và kế hoạch đào tạo nói riêng.

Thứ hai, tự chủ về công tác tuyển sinh:

- Đối với chỉ tiêu tuyển sinh: Hiện nay không chỉ hệ chính qui, mà cả hệ vừa làm, vừa học, các cơ sở giáo dục đại học được duyệt chỉ tiêu đến từng lớp, từng khóa, điều này không chỉ bất hợp lý về sự hạn chế quyền tự chủ, không chỉ ở quy mô mà còn cả tổ chức và quản lý đào tạo của từng cơ sở giáo dục đại học. Nên chăng trong khi chưa tiến hành xóa bỏ chỉ tiêu biên chế, thì hàng năm cơ quan quản lý Nhà nước giao chỉ tiêu "một cục" cho cơ sở giáo dục đại học, căn cứ vào quy định tỷ lệ sinh viên/giảng viên và tỷ lệ sinh viên có chỉ tiêu ngân sách và sinh viên ngoài chỉ tiêu. Các cơ sở giáo dục đại học căn cứ vào chỉ tiêu đó có trách nhiệm tổ chức các lớp theo đúng chỉ tiêu được giao và đảm bảo chất lượng đào tạo.

- Đối với tiêu chuẩn tuyển sinh: Đã được quy định thông qua các quy định của quy chế tuyển sinh và

* *Trường Đại học Công đoàn*

xét duyệt điểm chuẩn cho từng cơ sở giáo dục đại học. Điều này cản trở quyền tự chủ của Nhà trường, nên khi kiểm tra sĩ số trúng tuyển, còn để các trường tự quyết định lấy điểm chuẩn của mình.

- Đối với phương thức tuuyển sinh: Việc áp dụng hình thức tuyển sinh khác với thông lệ là lấy điểm thi của 3 môn làm điểm chuẩn hiện đang còn chịu sự quản lý của cơ sở giáo dục đại học. Nên giao quyền tự chọn hình thức cho các cơ sở giáo dục đại học, để các cơ sở giáo dục đại học tự chịu trách nhiệm về kết quả tuyển sinh của mình.

- Đối với khu vực tuyển sinh: có một số cơ sở giáo dục đại học giới hạn khu vực tuyển sinh theo địa phương và khu vực. Cần cho phép mở rộng khu vực tuyển sinh một khi đã đa dạng hóa các ngành nghề đào tạo.

Thứ ba, tự chủ về chương trình đào tạo:

- Các chương trình khung các ngành đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành còn nhiều chi tiết đến từng khối lượng kiến thức, làm cho chương trình trở nên cứng nhắc và hạn chế quyền tự chủ của Nhà trường trong xây dựng chương trình đào tạo. Nên quy định khung chương trình (kiến thức cần có, không nên quy định đến số lượng đơn vị học trình/tín chỉ tối thiểu của các khối kiến thức). Các cơ sở giáo dục đại học căn cứ vào cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên,... của mình có trách nhiệm xây dựng chương trình đào tạo theo khung chương trình quy định vừa đảm bảo chất lượng trong việc thực hiện mục tiêu đào tạo, vừa thể hiện được thế mạnh trong chuyên môn của trường.

- Để khắc phục nhược điểm các chương trình đào tạo cần chi tiết đến từng khối lượng kiến thức làm cho chương trình trở nên cứng nhắc và hạn chế quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học xây dựng chương trình đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học, cần thay đổi quy định ban hành chương trình khung, sau đó các cơ sở giáo dục đại học căn cứ chương trình khung ban hành chương trình đào tạo.

- Mặt khác, để đào tạo khả năng liên thông hoặc nối tiếp đào tạo, trước đây có quy định trong khối kiến thức giáo dục đại học đại cương chỉ có 20%, được khác nhau giữa các chương trình đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học. Như vậy, quyền tự chủ này bị giới hạn đáng kể. Thực ra phải xuất phát từ quan điểm đào tạo trong các cơ sở giáo dục đại học là đào tạo ban đầu, cho nên chỉ cần thống nhất các học phần cốt lõi là đủ để liên thông và nối tiếp nên thay bằng Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ quản lý khối lượng chương trình các ngành đào tạo, còn việc xây dựng chương trình đào tạo cụ thể do các cơ sở giáo dục đại học tự chủ tự tổ chức xây dựng.

- Chương trình chi tiết môn học, học phần: Bắt buộc các trường phải tổ chức xây dựng. Các môn học tự chọn hay tùy ý do các khoa/bộ môn xây dựng đó là những quy định phù hợp, đảm bảo tính tự chủ cho các cơ sở giáo dục đại học.

Thứ tư, giáo trình và học liệu: Lâu nay do các cơ sở giáo dục đại học tổ chức biên soạn và quản lý chất lượng trên cơ sở các chương trình đào tạo được phê duyệt. Nếu chúng ta tiến hành xây dựng các bộ giáo trình chuẩn dùng chung cho các cơ sở giáo dục đại học thì quyền tự chủ về biên soạn chương trình, giáo trình bị thu hẹp lại, hoàn toàn không phát huy được "cái sắc thái riêng" về mặt học thuật của đội ngũ giảng viên trong việc tăng quyền tự chủ về tổ chức đào tạo cho các cơ sở giáo dục đại học. Cần chỉ đạo xây dựng chương trình đạo tạo từng học phần có mục tiêu chi tiết đến mức có thể dùng các ý kiến của mục này làm căn cứ để kiểm tra, đánh giá nhưng không nhất thiết các chương trình cùng một môn học của các trường phải giống nhau, điều này sẽ giúp cho việc chuẩn hóa kiến thức giảng viên nào dạy cũng đạt được mục tiêu của môn học đã đề ra.

Thứ năm, hoàn thiện chương trình đào tạo

Xã hội ngày càng phát triển, nhu cầu về phát triển ngành nghề, kiến thức, kỹ năng ngày càng phong phú, do đó, một mặt các cơ sở giáo dục đại học cần cập nhật thông tin điều chỉnh bổ sung và hoàn thiện chương trình đáp ứng nhu cầu của xã hội; mặt khác, nhập khẩu một số chương trình đào tạo tiến của các cơ sở giáo dục đại học nước ngoài, tiếp tục đầu tư để mở các ngành theo hướng đa dạng hóa các ngành nghề đào tạo, đảm bảo nội dung chương trình theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tiếp cận chương trình tiên tiến của các trường đại học/ học viện quốc tế.

Trong bối cảnh một số cơ sở giáo dục đại học chưa có khả năng xây dựng giáo trình, tài liệu giảng dạy, thì cơ quan quản lý có thể cho phép các cơ sở giáo dục đại học được chủ động nhập các giáo trình, tài liệu chuyên môn từ các trường cơ sở giáo dục đại học tiến tiến trên thế giới để về giảng dạy, đồng thời các cơ sở giáo dục đại học phải tự chịu trách nhiệm về nội dung của các giáo trình, tài liệu đó.

Thứ sáu, tự chủ trong tổ chức đào tạo

- Cơ sở giáo dục đại học cần được giao thêm quyền chủ động xây dựng và ban hành các quy chế nội bộ mà không cần có sự phê duyệt của cơ quan chủ quản, để có thể linh hoạt hơn trong công tác quản lý đào tạo.

- Về quy mô tổ chức đào tạo: Các hình thức đào tạo: chính qui, vừa làm vừa học, đào tạo theo địa chỉ, từ xa, tự học có hướng dẫn, bồi dưỡng, bổ túc,... Tuy nhiên không phải cơ sở giáo dục đại học nào cũng được mở đầy đủ các loại hình này mà phải được cơ quan có thẩm quyền xem xét cho phép. Điều này có thể dẫn đến cơ chế xin cho trong quản lý hành chính. Đây là hạn chế trong quyền tự chủ của cơ sở giáo dục đại học. Điều này sẽ dẫn đến hạn chế hiệu quả và hiệu suất của các cơ sở đào tạo, không khai thác và phát huy hết tiềm năng của các nguồn lực sẵn có và tạo nguồn lực mới cho cơ sở giáo dục đại học. Thực chất của điều này là dựa vào nguồn lực "bao cấp" xin - cho của Nhà nước để giới hạn quy mô đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học thông qua giới hạn các loại hình được phép mở. Do vậy, cơ quan quản lý nhà nước chỉ để ra chuẩn cho các loại hình đào tạo (về nhân lực, về cơ sở vật chất và quy chế đào tạo) còn để cho cơ sở giáo dục đại học tự tổ chức đào tạo theo chuẩn đã ban hành với tinh thần chịu trách nhiệm về chất lượng và hiệu quả.

- Các phương thức đào tạo: Đào tạo theo học chế tín chỉ, liên kết đào tạo, đào tạo chuyển đổi là những loại hình đang hình thành và nhân rộng chịu sự quản lý cuả Nhà nước. Nhà nước chủ động trao quyền tự chủ thực hiện các phương thức đào tạo khác nhau đảm bảo các cơ sở đào tạo thỏa thuận với nhau chịu trách nhiệm đào tạo theo đúng chương trình và chất lượng yêu cầu.

- Tuy nhiên, đào tạo theo hệ thống tín chỉ có ưu điểm vượt trội hơn so với đào tạo theo niên chế, chẳng hạn: Người học tự quyết định, lựa chọn thời gian học tập phù hợp, có thể tích lũy đủ số tín chỉ quy định để ra trường sớm hơn, có thể hội nhập với các cơ sở giáo dục đại học nước ngoài..., nhưng với những trường có số lượng sinh viên không đông, các môn học ở các chuyên ngành khác (Đào tạo đơn chiếc) có tính liên thông, thì nên cân nhắc khi đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Không nên chạy theo hình thức "cố đấm ăn xôi", làm chống chế; người gánh hậu quả không ai khác chính là sinh viên. Về phía Bộ Giáo dục và Đào tạo cần sớm có khảo sát, hoặc tổ chức các cuộc hội thảo khoa học về thực trạng phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ để rút kinh nghiệm và tìm ra giải pháp tháo gỡ khó khăn cho các cơ sở giáo dục đại học khi áp dụng mô hình đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

- Các ngành nghề đào tạo: Theo khối ngành, theo lĩnh vực được quản lý chặt chẽ, theo một hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật - từ danh mục ngành đào tạo đến các thủ tục xây dựng hồ sơ, mở ngành và phải được sự cho phép của cơ quan quản lý nhà nước. Nên quy định khung thời lượng và trình độ của các học phần, còn lại để các cơ sở giáo dục đại học tự xây dựng và tự tổ chức đào tạo.

Thứ bảy, tự chủ về giảng dạy, nghiên cứu và hướng dẫn thực hành:

- Cần có quy định thống nhất về giảng dạy và nghiên cứu, trên cơ sở đó từng cơ sở giáo dục đại học có văn bản quy định riêng của mình, chủ yếu là các tiêu chuẩn thi đua để bình bầu các danh hiệu thi đua.

- Quản lý giảng dạy: Hiện nay, giảng dạy ở các cơ sở giáo dục đại học chưa đáp ứng được nhu cầu của đổi mới GDĐH, chưa thực sự là một giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo và thực hiện tốt mục tiêu đào tạo.

- Quản lý nghiên cứu khoa học: chưa kết hợp chặt chẽ với giảng dạy, chưa đươợc coi là một phương pháp giảng dạy đại học và kết quản nghiên cứu khoa học cũng được coi là một thành tích học tập được tích lũy.

- Quản lý thực hành, thực tập: Chưa đảm bảo chất lượng thực hành, thực tập do cơ sở vật chất không đổi mới kịp với những sự đổi mới của chương trình GDĐH.

Vì vậy, Nhà nước cần giao cho các cơ sở giáo dục đại học quyền tự chủ trong việc xác định cách thức quản lý giảng dạy, quản lý đào tạo, thực hành, thực tế, thực tập.

Thứ tám, tự chủ về kiểm tra đánh giá

Quy chế kiểm tra, đánh giá và công nhận tốt nghiệp: do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, cũng như các quy chế trước đó, có nhiều điểm dành cho cơ sở giáo dục đại học chủ động đề xuất cho phù hợp với đặc điểm của mình. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều điểm giới hạn quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học, như quy định về học tập, ngừng học và thôi học hoặc các quy định về điều kiện tốt nghiệp không nên giống nhau ở các trường khác nhau.

Các phương pháp đánh giá: Còn nhiều bất cập, vừa không chính xác, vừa không đáp ứng được các mục tiêu đào tạo chất lượng cao vì phần lớn không kiểm tra đánh giá được ở mức nhận thức cao. Chuẩn đánh giá và thang điểm chưa khoa học dẫn đến thiếu chính xác. Do đó, cần có quy định giao quyền chủ động tổ chức thi tuyển cho các trường thì giao cả quyền xây dựng thang điểm và chuẩn tuyển cho các

loại hình thi khác nhau của cơ sở giáo dục đại học khác nhau.

Tuy nhiên, trong bối cảnh giáo dục Việt Nam đang đứng trước thách thức có tính chất lịch sử: vừa chống tụt hậu, vừa phải tăng tốc để phát triển nhằm bắt kịp với các quốc gia trong khu vực, để đạt được điều đó trong tự chủ, các cơ sở giáo dục đào tạo cần chủ động không ngừng xây dựng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên giảng dạy, nghiên cứu, quản lý giàu tâm huyết, có năng lực, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ xã hội; tăng cường liên kết với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, sản xuất trong ngoài nước để phát triển nguồn lực; đồng thời chủ động thu hút và tuyển chọn nhân tài, áp dụng cơ chế tiền lương linh hoạt để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới. Về phía Bộ Giáo dục và Đào tạo cần tăng cường công tác quản lý trên tất cả các mặt hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học, không trực tiếp tham gia vào các hoạt động cụ thể, chẳng hạn như công tác tuyển sinh, cấp văn bằng chứng chỉ,... như hiện nay. Làm như vậy sẽ tách bạch chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo mà không đi sâu và can thiệp vào công việc nội bộ của các cơ sở giáo dục đại học. ❑

Tài liệu tham khảo

1. *Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP, ngày 2 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ ban hành về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020*
2. *Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/4/2006 quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ. tổ chức bộ máy, biên chế và tổ chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập*
3. *Nghị định số: 16/2015/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 14 tháng 02 năm 2015) Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.*
4. *Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014-2017.*
5. *Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT, ngày 26 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy.*
6. *Thông tư liên tịch của Bộ GD&ĐT và Bộ Nội vụ (07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV tháng 4 năm 2009) hướng dẫn quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo.*
7. *Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15 tháng 8năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.*
8. *Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT, ngày 27/12/2012 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.*
9. *Chử Thị Hải - Cơ sở khoa học và giải pháp thực hiện quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội trong quản lý tài chính của ácc trường cao đẳng khu vực Tây Bắc - Luận án tiến sĩ mã số 62.14.01.14 - Hà Nội, 2013.*

DƯ LUẬN XÃ HỘI VỀ MẤT AN TOÀN...

(Tiếp theo trang 50)

quan quản lý kịp thời xử lý những cá nhân, tổ chức sản xuất kinh doanh vi phạm ATTP.

Năm là, cơ quan quản lý thị trường thường xuyên thông tin rộng rãi cho người sản xuất và người tiêu dùng những vấn đề liên quan đến chất lượng nông, thủy sản. Kiểm soát chặt chẽ các loại thuốc thú y, hóa chất phụ gia thực phẩm đang được bày bán trên thị trường, tránh tình trạng người mua lẫn người bán đều không hiểu bản chất và đặc trưng hóa chất sử dụng. ❑

Tại liệu tham khảo

1. *Luật An toàn thực phẩm - 2010*
2. *Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng - 2011*
3. *Nghị định Số: 38/2012/NĐ-CP, ngày 25 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.*
4. *Nghị định Số: 99/2011/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.*
5. *Phản biện xã hội của tác phẩm báo chí Việt Nam quan một số sự kiện nổi bật - Nhà xuất bản Thông tin và truyền thông - Hà Nội, 2012.*
6. *Dư luận xã hội về sự biến đổi xã hội trong công cuộc đổi mới - Đề tài KX.03,16/11-15 - Chương trình KX,03/11-15, do TS. Vũ Thị Minh Chi - Chủ nhiệm.*
7. *Dư luận xã hội - Mai Quỳnh Nam - mấy vấn đề lý luận và phương pháp nghiên cứu - Tạp chí Xã hội học, số 1, Hà Nội 1995.*
8. *Báo Lao động: Kiếp đảm công nghệ sơ chế măng thối: Sử dụng chất gây ung thư - http://nld.com.vn/thoi-su-trong-nuoc/khiep-dam-cong-nghe-so-che-mang-thoi-su-dung-chat-gay-ung-thu-20160510103154348.htm)*
9. *http://dantri.com.vn/kinh-doanh/dang-so-gan-11-thit-hon-20-co-so-khong-dat-yeu-cau-ve-sinh-thuc-pham-20160715173400554.htm*